TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC SƠN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25-02-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Minh Tùng

Bà Dương Thị Hà

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hà Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa*:** Bà Dương Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc xin ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST –HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Dương Quang V, sinh năm 1985

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn A, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Bế Thị L, sinh năm 1984

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn A, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Dương Quang V trình bày: Anh Dương Quang V và chị Bế Thị L trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B vào ngày 19/4/2024. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn A, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn sau đó cùng nhau đi làm thuê tại tỉnh Bắc Giang từ tháng 4 đến tháng 10 năm 2024, trong quá trình chung

sống do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2024 đến nay. Từ khi xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên cũng đã khuyên bảo nhưng chị Bế Thị L không nghe. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên anh Dương Quang V yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bế Thị L.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Bế Thị L trình bày: Chị Bế Thị L kết hôn với anh Dương Quang V hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B vào ngày 19/4/2024. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng nhau đi làm tại tỉnh Bắc Giang, quá trình chung sống cùng nhau thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, được một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Hiện nay anh Dương Quang V yêu cầu ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị Bế Thị L đã nhận được các Giấy triệu tập của Tòa án, tuy nhiên do hiện nay chị đang đi làm, công việc bận rộn nên không về tham gia tố tụng tại Tòa án được, chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cũng như kết quả xác minh với đại diện thôn A, xã H và kết quả xác minh tại Công an xã H, đại diện thôn A, xã H và Công an xã H đều khẳng định chị Bế Thị L vẫn cư trú tại thôn A, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; quá trình chung sống vợ chồng anh Dương Quang V1 và chị Bế Thị L có cùng nhau đi làm ăn tại tỉnh Bắc Giang nhưng sau đó vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, hiện nay anh Dương Quang V đã về nhà sinh sống tại thôn A, xã H, còn chị Bế Thị L không thấy về nhà sinh sống cùng anh Dương Quang V.

Quá trình giải quyết vụ án anh Dương Quang V có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, chị Bế Thị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án không tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mà đã Thông báo cho các đương sự được biết các tài liệu, chứng cứ do các đương sự xuất trình và do Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn anh Dương Quang V và bị đơn chị Bế Thị L đã chấp hành, thực

hiện đúng quyên và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn chị Bế Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho anh Dương Quang V được ly hôn với Bế Thị L. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Dương Quang V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ và Thông báo cho các đương sự các tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa bị đơn chị Bế Thị L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa anh Dương Quang V và chị Bế Thị L là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 19/4/2024 nên quan hệ hôn nhân giữa anh Dương Quang V và chị Bế Thị L là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng đã ly thân từ tháng 10 năm 2024 đến nay.

[4] Xác định tình trạng hôn nhân giữa anh Dương Quang V và anh chị Bế Thị L thấy rằng: Cả anh Dương Quang V và chị Bế Thị L đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, quá trình giải quyết vụ án chị Bế Thị L cũng nhất trí với yêu cầu ly hôn của anh Dương Quang V, tuy nhiên do hiện nay chị đang đi làm, công việc bận rộn, không về tham gia tố tụng tại Tòa án được, chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh Dương Quang V và chị Bế Thị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy, anh Dương Quang V yêu cầu ly hôn với chị Bế Thị L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Không có

[6] Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án cả anh Dương Quang V và chị Bế Thị L đều trình bày là không có. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Dương Quang V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước. Xác nhận anh Dương Quang V đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004193 ngày 07/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

[9] Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Dương Quang V được ly hôn với chị Bế Thị L.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Buộc anh Dương Quang V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước. Xác nhận anh Dương Quang V đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004193 ngày 07/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Dương Quang V có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn chị Bế Thị L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Ngọc